

# NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUY TRÌNH CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BÀI HỌC DỰA TRÊN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

NGUYỄN THỊ HẠ NI\*

**H**ọc tập dựa trên *giải quyết vấn đề* (GQVĐ) (Problem - Based Learning, viết tắt là PBL) là một mô hình học tập lấy người học làm trung tâm, trong đó, học sinh (HS) học tập thông qua trải nghiệm GQVĐ. Ở đây, HS được học cả phương pháp tư duy và kiến thức của môn học. Mục đích của học tập dựa trên GQVĐ là nhằm giúp người học phát triển kiến thức linh hoạt, các kĩ năng GQVĐ hiệu quả, tự định hướng việc học, các kĩ năng hợp tác hiệu quả và động cơ bên trong. Có thể nói, việc nắm bắt những ý tưởng căn bản liên quan đến mô hình này tương đối dễ dàng, nhưng để mô hình hoạt động hiệu quả lại là việc khó, đòi hỏi sự thuần thục, khả năng ra quyết định cụ thể của người dạy trong quá trình lập kế hoạch (LKH) và điều hành hoạt động dạy học (DH).

## 1. LKH cho bài học dựa trên GQVĐ

Học tập dựa trên GQVĐ có đặc điểm là người học làm việc theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ để nghiên cứu các vấn đề mang tính thử thách, có thực. Kiểu DH này có tính tương tác cao nên cũng có ý kiến cho rằng LKH chi tiết là không cần thiết, thậm chí là không khả thi. Điều này không đúng. LKH trong học tập dựa trên GQVĐ, như quan điểm lấy người học làm trung tâm, quan điểm sư phạm tương tác, đòi hỏi rất nhiều nỗ lực trong công tác chuẩn bị của giáo viên (GV) để tạo thuận lợi xuyên suốt các giai đoạn của bài học dựa trên GQVĐ nhằm đạt được mục tiêu DH như mong muốn.

### 1) Xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

Đây là một trong ba điểm quan trọng cần lưu ý trong khâu LKH. Trước hết, cần mô tả học tập dựa trên GQVĐ được thiết kế như thế nào để đạt được các mục đích như nâng cao tư duy, sự hiểu biết của HS, giúp HS trở thành những người học chủ động. Dù bài học tập trung vào một hay nhiều mục tiêu nhưng việc xác định mục tiêu cho tương lai luôn quan trọng, vì thế cần phổ biến mục tiêu cho người học một cách rõ ràng.

2) **Thiết kế các tình huống có vấn đề (THCVĐ) phù hợp.** Một THCVĐ tốt phải đáp ứng ít nhất 5 tiêu chí quan trọng: 1) *Phải có tính thực tiễn.* Điều này có nghĩa là, vấn đề cần bám sát kinh nghiệm thực tiễn của người học hơn là theo nguyên tắc của các môn học cụ thể. Làm thế nào để ứng phó với ô nhiễm ở biển Quảng

Ngãi là một ví dụ về vấn đề thực tiễn. Tìm hiểu tác động của ánh sáng mặt trời lên các dương chất và rong biển trong nước ấm là một ví dụ về vấn đề học thuật (khoa học) môn Sinh học; 2) *Vấn đề ít nhiều phải khó giải thích và tạo ra cảm giác muốn khám phá hoặc có phần thử thách.* Các vấn đề khó giải thích không tuân theo những câu trả lời giản đơn mà đòi hỏi nhiều giải pháp khác nhau, mỗi giải pháp đều có ưu và nhược điểm riêng. Dĩ nhiên, đây là những cái có ích cho đối thoại và tranh luận; 3) *Vấn đề phải có ý nghĩa đối với người học và phù hợp với trình độ phát triển trí tuệ của họ;* 4) *Các vấn đề cần đủ rộng để cho phép GV đạt được các mục tiêu DH* nhưng được giới hạn vừa phải để bài học khả thi trong giới hạn thời gian, không gian và phương tiện sẵn có; 5) *Phải huy động được nỗ lực tập thể,* chứ không phải bị cản trở bởi nhóm.

Phần lớn các tình huống mang tính thử thách nhằm khám phá mối quan hệ nguyên nhân - hệ quả trong phạm vi một chủ đề hoặc đặt ra câu hỏi "vì sao" hay "điều gì xảy ra nếu...". Có vô số các tình huống mang tính thử thách trong mọi lĩnh vực. GV nên lưu ý những điểm sau: - Nghĩ về tình huống chứa đựng một vấn đề hay một chủ đề có tính thách đố đối với mình. Tình huống này phải đặt ra một câu hỏi hay một vấn đề yêu cầu giải thích bằng cách phân tích nguyên nhân - hệ quả và/hoặc cho người học cơ hội đặt giả thuyết và suy luận; - Xác định xem tình huống có gây hứng thú cho người học và có phù hợp với trình độ phát triển trí tuệ của họ không; - Cân nhắc xem có thể trình bày THCVĐ đó bằng cách thức dễ hiểu đối với người học và làm nổi bật tính "thách đố" của nó không; - Cân nhắc tính khả thi của việc GQVĐ. Liệu người học có thể tiến hành nghiên cứu đạt kết quả theo thời gian quy định với các nguồn tham khảo tiếp cận được không?

## 2. Tiến hành bài học dựa trên GQVĐ

**Giai đoạn 1: Định hướng người học vào vấn đề:** Khi bắt đầu bài học dựa trên GQVĐ, cũng như đối với các loại bài học khác, GV thông báo một cách rõ ràng mục tiêu của bài học, tạo một thái độ tích cực hướng vào bài học và mô tả những việc người học

\* Hệ sau đại học - Học viện Chính trị

được yêu cầu làm. Với HS nhỏ hay những người trước đó chưa tham gia vào bài học dựa trên GQVĐ, GV cũng phải giải thích cụ thể quy trình của mô hình học tập này. Lưu ý những điểm sau: - Những mục tiêu chung của bài không nhằm lĩnh hội một lượng lớn thông tin mới mà *nhằm tìm hiểu các vấn đề quan trọng và để trở thành những người học độc lập*. Đối với HS nhỏ, quan điểm này có thể được giải thích một cách đơn giản là: "tự mình khám phá, GQVĐ"; - Vấn đề hoặc câu hỏi đang được tìm hiểu không có câu trả lời tuyệt đối "đúng", và hầu hết các vấn đề phức tạp có nhiều giải pháp, đôi khi có những giải pháp đối lập nhau; - Trong giai đoạn tìm hiểu vấn đề, HS sẽ được khuyến khích đặt câu hỏi và tìm câu trả lời. GV sẽ hỗ trợ, nhưng HS cần cố sức làm việc độc lập hoặc với nhóm bạn; - Trong quá trình phân tích và giải thích, người học sẽ được khuyến khích thể hiện các ý tưởng một cách tự do và cởi mở. Sẽ không có ý kiến nào bị GV hay bạn cùng lớp chê cười. Mọi HS sẽ có cơ hội đóng góp vào quá trình tìm hiểu và bộc lộ ý tưởng của mình.

Điều quan trọng trong giai đoạn này là việc định hướng vào THCVĐ sẽ tạo cơ sở cho quá trình tìm hiểu liên tục, do đó phần trình bày của GV phải lôi cuốn được người học và kích thích sự tò mò, phấn khởi.

**Giai đoạn 2: Tổ chức cho người học nghiên cứu:** Học tập dựa trên GQVĐ đòi hỏi GV phát triển các kĩ năng hợp tác giữa các HS để cùng nhau tìm hiểu vấn đề và LKH thực hiện nhiệm vụ điều tra, báo cáo. Các nhóm nghiên cứu có thể được hình thành một cách tự nguyện theo mối quan hệ bạn bè hay theo một số cách sắp xếp căn cứ vào yếu tố xã hội hoặc nhận thức.

**Giai đoạn 3: Hỗ trợ công việc điều tra của cá nhân và các nhóm:** Điều tra, bất luận là điều tra độc lập, theo đôi, hay theo nhóm nhỏ, là phần cốt lõi của mô hình học tập dựa trên GQVĐ. Mặc dù mỗi THCVĐ đòi hỏi những kĩ thuật điều tra khác biệt nhất định, song phần lớn đều bao gồm quá trình thu thập dữ liệu và thử nghiệm, đặt giả thuyết và giải thích, đề xuất các giải pháp.

- *Thu thập dữ liệu và thử nghiệm:* Đây là công việc rất quan trọng. GV khuyến khích HS thu thập dữ liệu và tiến hành các thử nghiệm cho đến khi nào hiểu đầy đủ các chiều kích của THCVĐ. Mục đích của việc này là để HS thu thập đủ thông tin và thiết lập các ý tưởng của riêng mình. Giai đoạn này không chỉ đơn giản là đọc sách. GV cần hỗ trợ HS trong việc tập hợp thông tin từ các nguồn đa dạng, và cần đặt câu hỏi khiến HS suy nghĩ về vấn đề cũng như về các loại thông tin cần thiết để tiến đến các giải pháp có thể bảo vệ được. HS

cần được dạy cách trở thành một người điều tra năng động và cách sử dụng các phương pháp phù hợp đối với vấn đề họ đang nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, đánh giá, xin ý kiến chuyên gia, hay cách ghi chép. HS cũng cần được dạy cả phép giao tiếp lịch sự trong điều tra.

- *Đặt giả thuyết, giải thích và đề xuất giải pháp:* Sau khi đã thu thập đủ dữ liệu và tiến hành các thử nghiệm trên hiện tượng đang điều tra, HS sẽ đưa ra các giả thuyết, cách luận giải và các giải pháp. Cần lưu ý rằng, sự hỗ trợ của GV đối với việc trao đổi ý tưởng và chấp nhận các ý tưởng là có tính bắt buộc trong giai đoạn tìm hiểu của mô hình học tập dựa trên GQVĐ. Trong giai đoạn này, GV nên trợ giúp chứ không xâm nhập vào công việc của HS. Đối với một số dự án và một số HS, GV sẽ cần phải sát cánh giúp đỡ định vị các nội dung và nhắc nhở nhiệm vụ phải hoàn thành. Tuy nhiên, đối với một số dự án khác và những HS khác, GV có thể đứng sang một bên và cho phép HS đi theo các phương hướng và quyền chủ động của riêng họ.

**Giai đoạn 4: Phát triển và báo cáo, trình bày, công bố các sản phẩm.** Kế tiếp giai đoạn điều tra là việc tạo lập các *sản phẩm* (artifacts) và *công bố sản phẩm* (exhibits). Các sản phẩm là dạng cao hơn văn bản báo cáo. Chúng gồm những thứ như băng ghi hình thể hiện THCVĐ hay giải pháp cho THCVĐ, các chương trình vi tính và các dạng trình bày đa phương tiện. Dĩ nhiên, mức độ tinh vi của các sản phẩm cụ thể phụ thuộc chặt chẽ vào độ tuổi và khả năng của HS. Chẳng hạn, một áp phích của HS 10 tuổi trình bày về ô nhiễm nước sẽ khác biệt lớn so với bản thiết kế một phương tiện đo mức độ ô nhiễm nước của một HS 16 tuổi hay một sinh viên.

Sau khi các sản phẩm được phát triển, GV thường tổ chức trưng bày công khai thành quả của HS. Việc công bố này cần có sự tham gia của các khán giả (như: HS, GV, cha mẹ, và những người khác) để mọi người quan sát và đánh giá; hoặc công bố ở dạng thuyết trình, trực quan qua đó trao đổi ý tưởng và tiếp nhận ý kiến phản hồi. Các trang web cũng cho phép HS trưng bày kết quả công việc của mình trực tuyến và tham gia thi đấu với những HS khác nếu các em thực sự mong muốn. Quá trình công bố được đưa lên trạng thái cao hơn nếu như cha mẹ, HS và các thành viên trong cộng đồng cùng tham gia cũng như nếu phần công bố chứng tỏ sự am hiểu sâu sắc của HS đối với các chủ đề cụ thể.

**Giai đoạn 5: Phân tích và đánh giá quá trình GQVĐ:** Bước cuối cùng trong học tập dựa trên GQVĐ bao gồm các hoạt động nhằm mục đích giúp HS phân tích và đánh giá quá trình tư duy của chính mình cũng

như các kĩ năng điều tra, kĩ năng tư duy mà họ đã sử dụng. Trong suốt giai đoạn này, GV đề nghị HS dựng lại hoạt động các em đã làm ở các giai đoạn khác nhau của bài học. Khi nào các em bắt đầu hiểu biết rõ ràng về THCVĐ ấy? Khi nào các em bắt đầu cảm thấy tự tin vào những giải pháp cụ thể? Vì sao các em chấp nhận một số cách luận giải một cách sẵn sàng hơn những người khác? Vì sao các em phủ nhận một số cách luận giải? Vì sao các em thống nhất được giải pháp cuối cùng? Các em có thay đổi cách suy nghĩ của mình về tình huống đó khi quá trình điều tra đang diễn ra không? Điều gì gây nên sự thay đổi này? Lần sau các em sẽ làm gì khác đi?

Tóm lại, quy trình chuẩn bị và tiến hành bài học dựa trên GQVĐ cần sự nghiên cứu kĩ lưỡng, công phu của GV. Tất cả các công việc mà GV làm đều phải thể hiện được vai trò người hướng dẫn, người cố vấn cho học trò. Thực hiện tốt quy trình trên, GV có thể thu được những kết quả khả quan khi vận dụng mô hình dạy và học tích cực này. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Lăng Bình. **Dạy và học tích cực**. Dự án Việt - Bỉ, Hà Nội, 2010.
2. Dorothy H. Evensen - Cindy E. Hmelo, Cindy E. Hmelo-Silver. **Problem-based Learning: A Research Perspective on learning Interactions**. Taylor - Francis Publishing Company, 2000.
3. Kenneth T. Henson, Ben F. Etlar. **Education Psychology for Effective Teaching**. Wadsworth Publishing Company, 1999.
4. Một số trang web: 1. <http://www.acs.edu.au/enrol-ment/problem-based-learning/default.aspx>; [http://en.wikipedia.org/wiki/Problem-based\\_learning](http://en.wikipedia.org/wiki/Problem-based_learning)

#### SUMMARY

*Problem - Based Learning (PBL) is a student-centered pedagogy in which students learn about a subject through the experience of problem solving. The constructs for teaching PBL are very different from traditional classroom/lecture teaching. This article describes problem-based lesson planning and conduction. It focuses on the five phases of problem-based learning and required teacher behaviors for each phase.*

## Thực trạng và một số giải pháp...

(Tiếp theo trang 8)

đồng, TTGDTX và các cơ sở dạy nghề,... với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp tạo "đầu ra" cho học viên khi đào tạo xong. Việc đào tạo tại các cơ sở sản xuất, các nhà máy xí nghiệp là giải pháp hữu hiệu cho bài toán PLHS sau THCS và THPT.

\*\*\*

PLHS phổ thông vào hệ thống dạy nghề là vấn đề cần được quan tâm giải quyết, tuy không thể một sớm một chiều và cũng không phải là việc của riêng ngành GD-ĐT. Sự phối hợp của tất cả các cơ quan, ban, ngành liên quan, đặc biệt ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là rất quan trọng, nhằm dự báo nhu cầu xã hội về đào tạo nghề, tăng quy mô với cơ cấu hợp lí trong phát triển đào tạo nghề, lấy đó làm căn cứ để PLHS phổ thông (sau THCS và THPT) vào hệ thống dạy nghề, thực hiện tốt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kì 2011-2020; đào tạo nguồn nhân lực lao động có tay nghề phục vụ phát triển KT-XH các tỉnh Bắc Trung bộ nói riêng và cả nước nói chung, tạo nền tảng quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. □

(1) **Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX**. NXB Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 109.

#### Tài liệu tham khảo

1. Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 630/QĐ-TTg, ngày 29/5/2012, Phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kì 2011-2020*.
2. Báo cáo Hội thảo *Các phương pháp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông*, ngày 11/9/2009 của Bộ Giáo dục & Đào Tạo.
3. UBND tỉnh Hà Tĩnh. *Đề án Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2020*.
4. Nguyễn Văn Lê - Hà Thế Truyền - Bùi Văn Quân. **Một số vấn đề hướng nghiệp cho học sinh phổ thông**. NXB Đại học sư phạm, H. 2004.
5. Phùng Đình Mẫn - Phan Minh Tiến - Trương Thanh Thúy. **Một số vấn đề cơ bản về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông**. NXB Giáo dục, H. 2005.

#### SUMMARY

*Over the past few years, ramification of secondary and high school graduates in vocational training system in Northern Central provinces in particular and nationwide in general has not gained good results. There are several causes of this situation, but main reasons are that students themselves and their parents prefer university and college education to vocational training; provincial vocational training network has not met the scale and quality requirements; treatment policy for vocational training and post - graduate employment has not received proper consideration. In order to improve the quality of well - skilled human resource, it is necessary for provinces to take measures: to raise the awareness of community and society, to provide useful guidance for students at the last form of secondary and high school, as well as to develop appropriate policies and mechanisms.*